

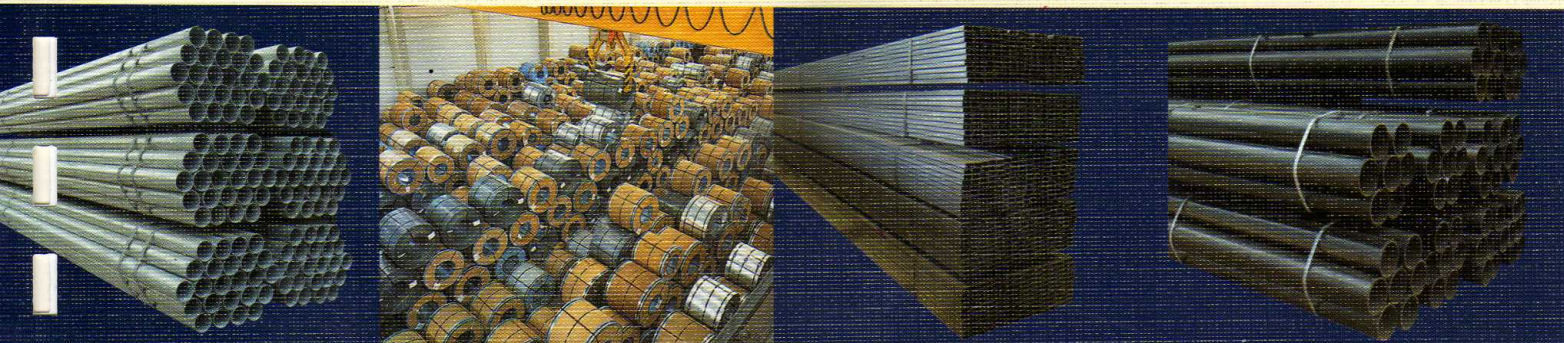


ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE J.S.C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		704.782.747.946	914.011.754.335
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	36.181.580.080	8.534.710.175
111	1. Tiền		36.181.580.080	8.534.710.175
130	II Các khoản phải thu ngắn hạn		465.502.267.304	515.800.417.871
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	437.532.704.029	479.788.803.422
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		16.408.491.251	14.469.355.420
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	29.706.251.785	34.990.838.040
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(18.145.179.761)	(13.448.579.011)
140	III Hàng tồn kho	8	192.285.978.304	345.135.826.598
141	1. Hàng tồn kho		192.285.978.304	345.135.826.598
150	IV Tài sản ngắn hạn khác		10.812.922.258	44.540.799.691
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	10.012.426.374	12.413.644.360
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		772.789.413	32.099.448.860
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	27.706.471	27.706.471
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		523.516.830.013	511.470.332.984
210	I Các khoản phải thu dài hạn		160.000.000.000	160.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	13	160.000.000.000	160.000.000.000
220	II Tài sản cố định		223.577.407.641	231.281.650.058
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	208.078.258.504	215.608.307.121
222	- Nguyên giá		386.997.569.536	380.972.636.947
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(178.919.311.032)	(165.364.329.826)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	15.499.149.137	15.673.342.937
228	- Nguyên giá		18.354.489.829	18.354.489.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.855.340.692)	(2.681.146.892)
240	III Tài sản dở dang dài hạn		38.063.108.846	27.870.590.007
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	38.063.108.846	27.870.590.007
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	83.962.728.079	82.071.229.120
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		83.962.728.079	82.071.229.120
260	V Tài sản dài hạn khác		17.913.585.447	10.246.863.799
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	17.913.585.447	10.246.863.799
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.228.299.577.959	1.425.482.087.319




BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		713.592.347.726	927.285.825.065
310	I Nợ ngắn hạn		670.985.831.200	889.836.645.365
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	170.106.102.279	227.709.540.771
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.000.195.153	1.045.536.295
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.242.205.460	1.327.374.791
314	4. Phải trả người lao động		3.593.523.547	4.818.198.890
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.355.224.507	1.732.368.875
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	453.625.637	320.313.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	749.503.701	750.539.882
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	485.364.831.185	647.122.342.312
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.120.619.731	5.010.429.731
330	II Nợ dài hạn		42.606.516.526	37.449.179.700
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	20.218.081.156	20.271.387.700
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	22.388.435.370	17.177.792.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		514.707.230.233	498.196.262.254
410	I Vốn chủ sở hữu	20	514.707.230.233	498.196.262.254
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	67.810.722.053
415	3. Cổ phiếu quỹ		(15.990.198.846)	(15.990.198.846)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		20.882.164.713	20.882.164.713
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		65.353.961.319	48.844.842.617
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		48.844.842.617	27.470.464.128
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ này		16.509.118.702	21.374.378.489
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		653.480.994	651.631.717
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.228.299.577.959	1.425.482.087.319


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2015		6 tháng đầu năm 2015		6 tháng đầu năm 2014	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	897.389.216.845	693.325.626.573	1.674.247.436.871	1.158.192.350.337		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	4.830.853.486	2.104.779.164	6.963.261.828	3.837.402.019		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		892.558.363.359	691.220.847.409	1.667.284.175.043	1.154.354.948.318		
11	4. Giá vốn hàng bán	25	846.476.795.824	661.674.644.755	1.598.072.946.104	1.100.499.224.511		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		46.081.567.535	29.546.202.654	69.211.228.939	53.855.723.807		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	4.270.541.805	7.317.410.910	9.386.819.701	11.092.322.133		
22	7. Chi phí tài chính	27	9.756.839.202	9.516.067.157	21.510.778.811	19.582.448.777		
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		9.665.581.640	9.516.067.157	9.665.581.640	9.516.067.157		
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.891.498.959	396.973.461	1.891.498.959	2.085.763.883		
25	9. Chi phí bán hàng	28	13.425.167.659	10.199.374.217	23.992.502.297	18.469.946.100		
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	10.658.626.270	7.366.616.830	15.237.449.503	11.503.059.519		
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.402.975.168	10.178.528.821	19.748.816.988	17.478.355.427		
31	12. Thu nhập khác	30	117.337.263	210.414	464.575.729	63.902.990		
32	13. Chi phí khác	31	99.224.188	366.947	235.409.007	164.180.849		
40	14. Lợi nhuận khác		18.113.075	(156.533)	229.166.722	(100.277.859)		
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.421.088.243	10.178.372.288	19.977.983.710	17.378.077.568		
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	2.939.665.210	2.516.206.994	3.467.015.731	2.831.422.206		
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.481.423.033	7.662.165.294	16.510.967.979	14.546.655.362		



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh		30/06/2015		30/06/2014		6 tháng đầu năm 2015		6 tháng đầu năm 2014	
				VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
61	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			15.477.087.187	7.662.358.095	16.509.118.702	14.546.417.791				
62	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát			4.335.846	(192.801)	1.849.277	237.571				
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		33			398	404				
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		34			398	404				



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
	I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		19.977.983.710	17.378.077.568
	2 Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.143.060.379	11.766.450.280
03	- Các khoản dự phòng		4.696.600.750	2.966.757.802
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(72.134.877)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.304.371.260)	(12.891.258.429)
06	- Chi phí lãi vay		21.316.270.407	19.577.560.777
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		49.829.543.986	38.725.453.121
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		76.190.209.264	(30.037.277.236)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		152.849.848.294	(100.312.868.463)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(58.064.277.736)	196.088.858.696
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.265.503.662)	(7.273.385.512)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.167.251.219)	(19.278.639.138)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.808.556.765)	(1.820.384.807)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	293.896.800
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(889.810.000)	(2.820.426.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		191.674.202.162	73.565.227.461
	II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(18.028.392.376)	(13.026.090.581)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		650.325.269	
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.897.602.607	10.913.050.102
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.480.464.500)	(2.113.040.479)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3 Tiền thu từ đi vay		1.414.616.522.408	1.002.844.166.642
34	4 Tiền trả nợ gốc vay		(1.571.163.390.165)	(1.070.019.800.116)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(7.193.511.160)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(156.546.867.757)	(74.369.144.634)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		27.646.869.905	(2.916.957.652)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		8.534.710.175	19.607.619.867
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>36.181.580.080</u>	<u>16.690.662.215</u>


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc
Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 07 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, két sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số Công ty con: 02
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0



CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,92%	99,92%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt - Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	96,08%	96,08%	Sản xuất bu lông, ốc vít xuất khẩu

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	37,99%	37,99%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m² đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời hạn sử dụng không xác định.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động bán hàng cho khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống...) là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sẽ cung cấp miễn phí (hoặc số tiền phải chiết khấu, giảm giá) cho người mua khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống/....).

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong .

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

2.20 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo Quyết định số 1397/QĐ-CT ngày 17/05/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức - VG PIPE được kế thừa toàn bộ ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 1879/QĐ-UB ngày 19/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ống thép của Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (SIMCO). Theo đó, Công ty được hưởng các ưu đãi sau:

- Được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu (kể từ năm 2004) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo;
- Được giảm 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu.

Cũng theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 184/CNUĐĐT ngày 21/01/2003 và Quyết định số 168/CT-QĐ ngày 21/05/2003 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty được miễn tiền thuế đất đến 04/12/2020.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	308.005.136	660.868.897
Tiền gửi ngân hàng	35.873.574.944	7.873.841.278
	<u>36.181.580.080</u>	<u>8.534.710.175</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư vào Công ty liên kết	VND	VND	VND	VND
	77.515.000.000	83.962.728.079	-	82.071.229.120
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	66.640.000.000	74.356.344.172	-	72.387.327.283
- Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Đức	10.875.000.000	9.606.383.907	-	9.683.901.837
	77.515.000.000	83.962.728.079	-	82.071.229.120

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	37,99%	37,99%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2015</u>	<u>30/06/2014</u>
		<u>01/04/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
		VND	VND
Doanh thu			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	818.964.181	787.734.374
Mua hàng			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.131.778.511	695.454.691
Lãi cho vay vốn			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	9.130.888.888	7.231.777.777

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		<u>01/04/2015</u>	<u>01/01/2014</u>
		VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		437.532.704.029	479.788.803.422
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc		218.137.655.768	191.521.622.193
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm		69.560.744.754	137.489.169.596
- Các khoản phải thu khách hàng khác		149.834.303.507	150.778.011.633
		<u><u>437.532.704.029</u></u>	<u><u>479.788.803.422</u></u>
		VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan			
- Công ty Cổ phần sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	126.413.325	900.481.392
		<u><u>126.413.325</u></u>	<u><u>900.481.392</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	29.706.251.785	-	34.990.838.040	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.333.333.333	-	2.071.333.333	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	62.733.140	-	31.030.790	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	297.000	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	132.000	-	-	-
- Tạm ứng	22.419.164.753	-	24.987.536.591	-
- Ký cược, ký quỹ	5.259.961.791	-	7.298.389.391	-
- Phải thu khác	630.629.768	-	602.547.935	-
	29.706.251.785	-	34.990.838.040	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

7 . NỢ XẤU

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	33.409.132.198	15.263.952.437	33.409.132.198	19.960.553.187
- Công ty TNHH Trường Quang	9.926.128.448	-	9.926.128.448	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	15.263.952.437	23.483.003.750	19.960.553.187
	33.409.132.198	15.263.952.437	33.409.132.198	19.960.553.187

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	27.158.708.632	-	57.227.993.620	-
Nguyên liệu, vật liệu	64.018.712.344	-	142.130.369.755	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	191.550.152	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	9.059.033.075	-	9.664.010.083	-
Thành phẩm	85.177.954.611	-	129.981.105.180	-
Hàng hoá	6.871.569.642	-	5.940.797.808	-
	192.285.978.304	-	345.135.826.598	-

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ:
Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất:
- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:
- Các lý do dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	38.063.108.846	27.870.590.007
Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh ⁽²⁾	18.226.976.663	18.226.976.663
Dự án Dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm (giai đoạn II) ⁽³⁾	11.261.586.729	1.069.067.890
	38.063.108.846	27.870.590.007

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

- (1) Chi phí chuyển nhượng hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh. Hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình chờ cấp giấy phép đầu tư.
- (2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 18.
- (3) Dự án Dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng (giai đoạn II) được đầu tư tại KCN Bình Xuyên, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc theo Quyết định số 59A/QĐ-VĐ của Hội đồng quản trị công ty với tổng mức đầu tư 27 tỷ. Thời gian dự kiến xây dựng hoàn thành vào tháng 09 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu kỳ	127.266.804.117	235.125.772.332	16.894.063.966	1.685.996.532	380.972.636.947					
- Mua trong kỳ	-	7.543.209.901	292.663.636	-	7.835.873.537					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(816.186.942)	(575.727.273)	-	(1.391.914.215)					
- Giảm khác	(27.720.000)	(287.144.919)	(16.740.000)	(87.421.814)	(419.026.733)					
Số dư cuối kỳ	127.239.084.117	241.565.650.372	16.594.260.329	1.598.574.718	386.997.569.536					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu kỳ	35.295.883.381	119.411.043.815	9.699.304.368	938.098.262	165.364.329.826					
- Khấu hao trong kỳ	3.066.015.037	10.751.742.604	1.007.190.568	143.918.370	14.968.866.579					
- Tăng khác do phân loại lại	-	6.727.273	-	-	6.727.273					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(555.066.969)	(439.791.671)	-	(994.858.640)					
- Giảm khác do phân loại lại	(34.447.273)	(287.144.919)	(16.740.000)	(87.421.814)	(425.754.006)					
Số dư cuối kỳ	38.327.451.145	129.327.301.804	10.249.963.265	1.014.594.818	178.919.311.032					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu kỳ	91.970.920.736	115.714.728.517	7.194.759.598	727.898.270	215.608.307.121					
Tại ngày cuối kỳ	88.911.632.972	112.238.348.568	6.344.297.064	583.979.900	208.078.258.504					

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	18.219.064.829	135.425.000	18.354.489.829
Số dư cuối kỳ	18.219.064.829	135.425.000	18.354.489.829
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.545.721.892	135.425.000	2.681.146.892
- Khấu hao trong kỳ	174.193.800	-	174.193.800
Số dư cuối kỳ	2.719.915.692	135.425.000	2.855.340.692
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	15.673.342.937	-	15.673.342.937
Tại ngày cuối kỳ	15.499.149.137	-	15.499.149.137

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	10.012.426.374	12.413.644.360
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	1.620.000.000	1.440.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.279.061.225	6.607.023.067
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.413.028.876	3.042.514.670
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	700.336.273	1.324.106.623
b) Dài hạn	17.913.585.447	10.246.863.799
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.499.779.249	6.588.011.547
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	3.600.000.000	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	797.132.483	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.904.521.846	2.013.710.332
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	691.700.390	314.600.403
Chi phí trả trước dài hạn khác	420.451.479	1.330.541.517
	27.926.011.821	22.660.508.159

13 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	160.000.000.000	160.000.000.000
	160.000.000.000	160.000.000.000

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, phụ lục hợp đồng cho vay ngày 20/10/2011, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay số tiền là 160 tỷ đồng để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	647.122.342.312	647.122.342.312	1.409.405.879.038	1.571.163.390.165	485.364.831.185	485.364.831.185
Các khoản vay ngắn hạn	642.722.342.312	642.722.342.312	1.409.405.879.038	1.568.963.390.165	483.164.831.185	483.164.831.185
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên ⁽¹⁾	391.918.805.304	391.918.805.304	782.514.058.907	798.600.000.000	375.832.864.211	375.832.864.211
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Xuyên ⁽²⁾	121.563.366.690	121.563.366.690	313.983.671.805	390.877.390.165	44.669.648.330	44.669.648.330
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vĩnh Phúc ⁽³⁾	38.406.913.525	38.406.913.525	121.908.148.326	129.550.000.000	30.765.061.851	30.765.061.851
Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Vĩnh Phúc ⁽⁴⁾	50.000.000.000	50.000.000.000	139.800.000.000	163.886.000.000	25.914.000.000	25.914.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - CN Vĩnh Phúc ⁽⁵⁾	40.833.256.793	40.833.256.793	51.200.000.000	86.050.000.000	5.983.256.793	5.983.256.793
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	4.400.000.000	4.400.000.000	-	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên	4.400.000.000	4.400.000.000	-	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
b) Vay dài hạn	17.177.792.000	17.177.792.000	5.210.643.370	-	22.388.435.370	22.388.435.370
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phúc Yên	17.177.792.000	17.177.792.000	5.210.643.370	-	22.388.435.370	22.388.435.370
	664.300.134.312	664.300.134.312	1.414.616.522.408	1.571.163.390.165	507.753.266.555	507.753.266.555

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1509578/HĐTD ngày 18/05/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 370 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30/04/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2015 là 7,1%/năm;

- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đã, đang và sẽ thế chấp, cầm cố, ký quỹ tại ngân hàng và các nguồn thu nhập khác.

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 14.51.0088/20134-HĐTDHM/NHCT262-VDS tháng 12 năm 2014 với các

- + Hạn mức tín dụng: 50 tỷ;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến 30/11/2015, theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2015 là 7,1%/năm;

- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố bằng tài sản của công ty theo các hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo với tổng giá trị thế chấp là 46,38 tỷ đồng.

- (2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 14.51.0068/2014-HĐTDHM/NHCT262-Ông thép Việt Đức ngày 15/08/2014, với các

- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30/04/2015, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2015 là 6,6%/năm;

- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng hóa quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa kèm theo mà 2 bên đã ký kết.

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2014/1853346/HDHM ngày 07/05/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 170 tỷ;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ 07/05/2014 đến 30/04/2015, theo từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất thực tế của số dư khoản tiền vay ngày 31/12/2014 là 6,6%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ tiền thu từ hoạt động kinh doanh, tài sản thế chấp, cầm cố, ký quỹ tại ngân hàng và các nguồn thu nhập hợp pháp khác.

- (3) Hợp đồng tín dụng số 01815005/HĐTD ngày 30/06/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2015 là 7,0%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu từ các khách hàng lớn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 390.050/2015/HĐTD-LPBVP ngày 18/05/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 17/05/2016. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 05 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2015 là 7,2%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 25.914.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ phát sinh giữa Công ty với DNTN Nam Châm theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ đã được ký kết.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 17092014/HĐTDHM/TVD-VPB ngày 29/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: Thời hạn của hợp đồng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn vay tối đa là 5 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng lần giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2015 là 7,0%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản đảm bảo là hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay dài hạn giữa Công ty và Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HD ngày 25/12/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng tối đa cho vay: 25 tỷ;
 - + Mục đích vay: tiền vay được sử dụng cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng";
 - + Thời hạn cho vay: 72 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên trong đó ân hạn 09 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, tại thời điểm 31/12/2014 là 9,5%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: doanh thu chuyển qua tài khoản tiền gửi của Bên vay và tài sản thuộc dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng";
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 17.177.792.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 2.200.000.000 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1853346/HĐTD ngày 10/02/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: đầu tư cho dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cán nguội mạ kẽm nhúng nóng (giai đoạn II);
 - + Thời hạn của hợp đồng: 72 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: có điều chỉnh, lãi suất tại 30/06/2015 là 10,5%/năm;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: doanh thu chuyển qua tài khoản tiền gửi của Bên vay và tài sản thuộc dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất tôn cuộn mạ kẽm nhúng nóng (giai đoạn 2)";
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 5.210.643.370 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	170.106.102.279	170.106.102.279	227.709.540.771	227.709.540.771
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	81.926.283.882	81.926.283.882	66.236.269.292	66.236.269.292
- DAEWOO INTERNATIONAL CORPORATION(DAEWOO)	16.274.851.803	16.274.851.803	-	-
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	8.289.311.679	8.289.311.679	33.514.401.470	33.514.401.470
- Chi tiết đối tượng chiếm từ 10% trở lên	-	-	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	63.615.654.915	63.615.654.915	127.958.870.009	127.958.870.009
	170.106.102.279	170.106.102.279	227.709.540.771	227.709.540.771
Mối quan hệ	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	67.438.349	67.438.349
- Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	-	-	67.438.349	67.438.349
	-	-	67.438.349	67.438.349

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	40.968.232.790	40.945.213.699	-	23.019.091	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	734.713.662	734.713.662	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	27.706.471	1.281.206.244	3.467.015.731	-	1.808.556.765	27.706.471	2.939.665.210	160.989.007	-	66.988.069	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	46.168.547	181.808.529	-	19.969.700	-	-	13.800.000	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	232.502.790	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	13.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	27.706.471	1.327.374.791	45.598.073.502	43.683.242.833	27.706.471	3.242.205.460						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.355.224.507	1.732.368.875
- Chi phí lãi vay	298.772.769	149.753.581
- Chi phí phải trả khác	1.056.451.738	1.582.615.294
	1.355.224.507	1.732.368.875

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	749.503.701	750.539.882
- Kinh phí công đoàn	350.242.174	549.944.334
- Bảo hiểm xã hội	21.035.000	5.000.000
- Bảo hiểm y tế	32.777.905	869.175
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.289.400	1.203.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	170.169.073	170.169.073
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	173.990.149	23.353.700
b) Dài hạn	20.218.081.156	20.271.387.700
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.750.081.156	1.803.387.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.468.000.000	18.468.000.000
	20.967.584.857	21.021.927.582

(*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	453.625.637	320.313.818
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê Văn phòng	453.625.637	320.313.818
	453.625.637	320.313.818

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	19.455.416.378	39.323.933.382	650.106.269	487.247.079.236							
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	237.571	14.546.417.791							14.546.655.362
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(683.862.386)	(7.200.662.000)	-	(7.884.524.386)							
Số dư cuối kỳ trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	18.771.553.992	46.669.689.173	650.343.840	493.909.210.212							
Số dư đầu kỳ này	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	20.882.164.713	48.844.842.617	651.631.717	498.196.262.254							
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	1.849.277	16.510.967.979							
Số dư cuối kỳ này	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	20.882.164.713	65.553.961.319	653.480.994	514.707.230.233							

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015		01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của các cổ đông khác	375.997.100.000	100,00%	375.997.100.000	100,00%
- Ông Lê Minh Hải	22.660.000.000	6,03%	22.660.000.000	6,03%
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000	6,28%
- Các cổ đông khác	329.712.110.000	87,69%	329.712.110.000	87,69%
	375.997.100.000	100%	375.997.100.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	30/06/2015	30/06/2014
	<u>01/04/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
d) Cổ phiếu		
	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.596.400	1.596.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.596.400	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.003.310	36.003.310
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.003.310	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.882.164.713	20.882.164.713
	<u>20.882.164.713</u>	<u>20.882.164.713</u>
21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Ngại tệ các loại		
	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Đồng đô la Mỹ (USD)	6.124,77	221.540,13
	<u>6.124,77</u>	<u>221.540,13</u>
23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	30/06/2015	30/06/2014
	<u>01/04/2015</u>	<u>01/04/2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	357.229.521.267	290.159.001.003
Doanh thu bán thành phẩm	538.777.346.892	400.408.111.560
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.382.348.686	2.758.514.010
	<u>897.389.216.845</u>	<u>693.325.626.573</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	30/06/2015	30/06/2014
	01/04/2015	01/04/2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.951.597.892	2.065.339.469
Hàng bán bị trả lại	811.902.130	7.094.273
Giảm giá hàng bán	67.353.464	32.345.422
	4.830.853.486	2.104.779.164

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	30/06/2015	30/06/2014
	01/04/2015	01/04/2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	352.442.178.517	289.457.013.620
Giá vốn của thành phẩm đã bán	492.809.289.656	371.637.060.338
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.225.327.651	580.570.797
	846.476.795.824	661.674.644.755

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	30/06/2015	30/06/2014
	01/04/2015	01/04/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.083.629.642	7.317.410.910
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	186.912.163	
	4.270.541.805	7.317.410.910

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	30/06/2015	30/06/2014
	01/04/2015	01/04/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.665.581.640	9.516.067.157
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	91.257.562	
	9.756.839.202	9.516.067.157

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	30/06/2015	30/06/2014
	01/04/2015	01/04/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	215.024.392	202.001.803
Chi phí nhân công	2.720.680.759	1.452.381.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	232.919.955	232.801.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.845.642.123	7.981.910.390
Chi phí khác bằng tiền	410.900.430	330.278.186
	13.425.167.659	10.199.374.217

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	30/06/2015	30/06/2014
	01/04/2015	01/04/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	670.597.479	446.161.558
Chi phí nhân công	2.807.047.951	2.230.479.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	636.520.979	649.695.686
Thuế, phí, lệ phí	562.198.673	229.322.139
Chi phí dự phòng	4.696.600.750	2.966.757.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.499.402	436.377.393
Chi phí khác bằng tiền	812.161.036	407.822.932
	10.658.626.270	7.366.616.830

30 . THU NHẬP KHÁC

	30/06/2015	30/06/2014
	01/04/2015	01/04/2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	117.269.694	
Thu nhập khác	67.569	210.414
	117.337.263	210.414

31 . CHI PHÍ KHÁC

	30/06/2015	30/06/2014
	01/04/2015	01/04/2014
	VND	VND
Các khoản bị phạt hợp đồng kinh tế	99.064.398	-
Chi phí khác	159.790	366.947
	99.224.188	366.947

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	30/06/2015	30/06/2014
	01/04/2015	01/04/2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành (Thuế suất 22%)	3.628.968.145	2.516.206.994
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(689.302.935)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.939.665.210	2.516.206.994

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty

	30/06/2015	30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	15.481.423.033	7.662.165.294
Các khoản điều chỉnh	(2.344.102.048)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(2.344.102.048)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.137.320.985	7.662.165.294
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.003.310	36.003.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	365	213

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi

34 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công

	30/06/2015	30/06/2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	15.481.423.033	7.662.165.294
Các khoản điều chỉnh	(2.344.102.048)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(2.344.102.048)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.137.320.985	7.662.165.294
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.003.310	36.003.310
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	365	213

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2015	30/06/2014
		01/04/2015	01/04/2014
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp (*)		19.705.882.016	4.730.307.907
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp (*)		73.117.364	109.355.092


Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp (*)		10.720.290.740	279.684.616
Cho vay dài hạn			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	160.000.000.000	160.000.000.000
Phải thu lãi cho vay			
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.333.333.333	2.071.333.333
Phải trả khác			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000	18.468.000.000

(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014.


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 07 năm 2015

